

# CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

## ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

Tên chương trình: **Quản trị kinh doanh**  
**Chuyên ngành Quản trị marketing**  
**Marketing administration**

Trình độ đào tạo: **Đại học**  
Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**  
Mã ngành: **7340101**  
Hình thức đào tạo: **Chính quy**

### **1. Mục tiêu, chuẩn đầu ra**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Trang bị kiến thức và kỹ năng về kinh doanh và marketing như: nghiên cứu thị trường, xây dựng và phát triển các mối quan hệ khách hàng, thiết kế chương trình phân phối sản phẩm, tổ chức phân phối sản phẩm, định giá sản phẩm, quảng bá thương hiệu, tổ chức sự kiện,...

Sinh viên có khả năng phân tích, dự báo nhu cầu thị trường, tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động nghiên cứu thị trường, xây dựng chiến lược phát triển và quản trị thương hiệu, nghiên cứu hành vi tiêu dùng và nhu cầu khách hàng, tổ chức hệ thống thông tin marketing, xây dựng kế hoạch truyền thông marketing.

#### **1.2. Chuẩn đầu ra**

##### **1.2.1. Về kiến thức**

1.2.1.1. Kiến thức thực tế vững chắc; kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo

Có kiến thức cơ bản về kinh tế, kinh doanh; các kiến thức chuyên sâu về lập kế hoạch marketing cho sản phẩm/thị trường cụ thể, đưa ra được các quyết định marketing... kiến thức kinh tế xã hội có liên quan.

1.2.1.2. Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật: Lĩnh hội được các kiến thức về lý luận Chính trị Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để xác lập thái độ chính trị, ý thức công dân và ý thức cộng đồng trong hành vi và các ứng xử hàng ngày. Hình thành được thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.3. Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc;

- Sinh viên đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin theo Thông tư số: 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 11/3/2014.

1.2.1.4. Có kiến thức toàn diện và có hệ thống về lĩnh vực marketing như: lập kế hoạch, phát triển và đánh giá chương trình, đặc biệt là các kỹ năng thực hành như nghiên cứu thị trường, xây dựng mục tiêu, xác lập ngân sách, phân tích, đánh giá và lựa chọn công cụ và phương tiện, sáng tạo thông điệp...trong các tổ chức và doanh nghiệp.

1.2.1.5. Có khả năng quản trị dự án Marketing, quản lý chi phí, thông tin và quản lý chất lượng... cụ thể cho từng công việc, có năng lực lãnh đạo nhóm làm việc, phát triển nhân viên, năng lực điều phối và xử lý vấn đề.

### 1.2.2. Về kỹ năng

1.2.2.1. Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp:

- Xây dựng hệ thống thông tin marketing.
- Xây dựng chiến lược marketing của doanh nghiệp.
- Quản trị các nhóm biện pháp marketing cụ thể.
- Tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học về chuyên ngành quản trị marketing.

1.2.2.2. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác:

- Nghiên cứu, phân tích môi trường kinh doanh.
- Phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu.
- Tổ chức soạn thảo và thực hiện các chiến lược marketing.
- Vận dụng các nhóm biện pháp marketing cụ thể từ quản trị sản phẩm, giá bán, kênh phân phối và xúc tiến hỗn hợp.

1.2.2.3. Kỹ năng hỗ trợ cho hoạt động nghề nghiệp: khả năng giao tiếp, hòa nhập, phát huy tối đa năng lực cá nhân; khả năng trình bày ý tưởng rõ ràng, tự tin và có tính thuyết phục; có tư duy sáng tạo và phản biện; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

1.2.2.5. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc, chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể và phức tạp:

- Có khả năng truyền đạt tốt không chỉ là truyền đạt mệnh lệnh mà còn phải có khả năng phổ biến các kiến thức, các kỹ năng trong việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể và phức tạp để cấp dưới có thể hiểu và làm việc đúng theo ý mình và ý kiến của tổ chức.

1.2.2.6. Ngoại ngữ: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam

### 1.3.1. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.3.1.1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- Vừa có khả năng làm việc độc lập nhưng cũng phải biết làm việc theo nhóm, linh hoạt, năng động trong những điều kiện thay đổi. Phải biết chịu trách nhiệm cá nhân đối với cấp trên, cấp dưới cũng như phải biết chịu trách nhiệm đối với nhóm.

1.3.1.2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định

- Ngoài việc biết truyền đạt, phải biết hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát và giám sát được những người khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao

1.3.1.3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

- Không được ba phải, phải biết định hướng, nắm vững chuyên môn để có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân của mình cũng như đưa ra được những kết luận liên quan đến chuyên môn và công việc mà mình đảm trách

1.3.1.4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

- Biết lập kế hoạch, điều phối tiềm năng và nguồn lực thực hiện, quản lý các nguồn lực. Trong quá trình thực hiện có sự kiểm tra kiểm soát thường xuyên, khi hoàn thành công việc cần có sự đánh giá hiệu quả, so sánh với các hoạt động trước để đưa ra các biện pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động.

## 2. Thi gian đào tạo: 3.5 năm

## 3. Tổng số tín chỉ tích lũy: 131 tín chỉ

(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

## 4. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

## 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 3318/QĐ-ĐHHP ngày 06/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Hải Phòng.

## 6. Cách thức đánh giá

Thực hiện theo Quyết định số 3318/QĐ-ĐHHP ngày 06/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Hải Phòng.

## 7. Nội dung chương trình đào tạo

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (theo mã)	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Hướng dẫn SV tự học		
<b>1.1.</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>41</b>							
<b>Module: Lý luận chính trị</b>			<b>13</b>							
1	PHI5212	Triết học Mác - Lênin	3	30		10		5		
2	POL5229	Kinh tế chính trị - Mác Lênin	2	20		5		5	PHI5212	
3	POL5230	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20		5		5	POL5229	
4	HID5201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20		5		5	POL5230	

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (theo mã)	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thi nghiệm	Hướng dẫn SV tự học		
5	VPL5208	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	20		5		5	HID5201	6
6	LAW5201	Pháp luật đại cương	2	20	10					2
<b>Module 2: Khoa học tự nhiên</b>			<b>12</b>							
7	MAT5205	Toán cao cấp	3	25	5			5		1
8	MAT5234	Xác suất thống kê	2	15	10			5	MAT5205	2
9	INF5200	Tin học cơ sở	3	18			27			1
10	INF5248	Tin học chuyên ngành Kinh tế	2	10			19	1		3
11	ECC5217	Kinh tế lượng	2	15	10			5	MAT5234	4
<b>Module 3. Ngoại ngữ</b>			<b>10</b>							
12	ENG5201	Tiếng Anh cơ sở 1	4	45	10			5		1
13	ENG5202	Tiếng Anh cơ sở 2	4	40	10			0	ENG5201	2
14	ENG5284	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	2	20			10			5
<b>Module 4. Kinh tế học</b>			<b>6</b>							
15	ECC5202	Kinh tế vi mô 1	3	35			10			1
16	ECC5205	Kinh tế vĩ mô 1	3	35			10			2
<b>Module 5. Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng- an ninh</b>										
17	PHE5208	Giáo dục Thể chất 1*	1				28	2		
18	PHE5209	Giáo dục Thể chất 2*	1				28	2		
19	PHE5210	Giáo dục Thể chất 3*	1				28	2		
20	PHE5211	Giáo dục Thể chất 4*	1				28	2		
21	PHE5212	Giáo dục Thể chất 5*	1				28	2		

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (theo mã)	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Hướng dẫn SV tự học		
22	DEF5201	Giáo dục Quốc phòng – an ninh *	<b>165</b> <b>tiết</b>							
<b>1.2.</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>90</b>							
<b>1.2.1.</b>	<b>Kiến thức cơ sở khối ngành (Nhóm kiến thức căn bản về kinh tế và QTKD)</b>									
<b>Module 6. Kiến thức cơ sở về quản trị</b>			<b>14</b>							
23	MAN5211	Quản trị doanh nghiệp 1	3	30			15	MAR5202 MAR5201	5	
24	MAN5228	Quản trị nhân lực	3	30			15	MAR5202 MAR5201	3	
25	MAN5201	Quản trị học	3	30			15		2	
26	LAW5203	Luật kinh tế	2	20	10				3	
27	ADM5222	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	3	30			15		3	
<b>Module 7. Kế toán tài chính</b>			<b>6</b>							
28	MAF5221	Quản trị tài chính 1	3	25			20	MAR5202 MAR5201	4	
29	ACC5201	Nguyên lý kế toán	3	30	10	1	4	ECC5202	2	
<b>1.2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành</b>			<b>70</b>							
<b>Module 8. Tổng quan về Marketing</b>			<b>7</b>							
30	MAR5202	Marketing căn bản	3	32			13		1	
31	THUD-MAR5207	Nghiên cứu Marketing	3	30			15	MAR5202	3	
32	MAR5235	Bài tập lớn: Nghiên cứu Marketing	1				15		3	
<b>Module 9. Thực hành xây dựng và phát triển sản phẩm</b>			<b>7</b>							

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (theo mã)	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Hướng dẫn SV tự học		
33	MAR5325	Quản trị sản phẩm	3	30			15		MAR5202	4
34	THUD-MAN5230	Quản trị thương hiệu	3	30			15		MAR5202	5
35	THUD-MAN5231	Bài tập lớn: Quản trị thương hiệu	1				15			5
<b>Module 10. Thực hành quan hệ công chúng (PR)</b>			<b>7</b>							
36	THUD-MAR5214	Thực hành PR	3	30			15		MAR5202 MAR52.34	6
37	MAR5236	Tổ chức sự kiện	2	20			10		MAR5202	4
38	MAR5237	Giao tiếp và truyền thông Marketing	2	20			10		MAR5202 MAR52.34	5
<b>Module 11. Truyền thông trực tiếp và trực tuyến</b>			<b>9</b>							
39	MAR5313	Xúc tiến bán hàng	3	30			15		MAR5202	5
40	THUD-SMA5202	Kỹ năng và quản trị bán hàng	3	30			15		MAR5202	3
41	THUD-MAR5318	Marketing trực tuyến	3	30			15		MAR5202	5
<b>Module 12. Thực hành quảng cáo</b>			<b>4</b>							
42	MAR5238	Xây dựng thông điệp quảng cáo	2	15			15		MAR5202	6
43	MAR5239	Kế hoạch phương tiện quảng cáo	2	15			15		MAR5202	4
<b>Module 13. Quản trị Marketing tích hợp</b>			<b>17</b>							
44	MAR5224	Quản trị Marketing 1	3	30			15		MAR5202 MAN5201	3

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (theo mã)	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Hướng dẫn SV tự học		
45	MAR5222	Quản trị Marketing 2	4	40			20		MAR5221	6
46	MAR5240	Bài tập lớn: Quản trị Marketing 2	1				15			6
47	MAR5316	Chiến lược Marketing	3	30			15		MAR5202 MAN5201	5
48	MAR5317	Marketing dịch vụ	3	30			15		MAR5202	6
49	MAR5324	Hành vi khách hàng	3	30			15		MAR5202	6
<b>Module 14. Thực tập và tốt nghiệp</b>			<b>19</b>							
49	THUD-MAR5235	Thực tập 1: Quản trị Marketing (4 tuần)	4	10			50		MAR5202 MAR5221 MAR5222	4
50	THUD-MAR5236	Thực tập 2: Quản trị Marketing (4 tuần)	4	10			50		THUD-MAR5232	6
51	THUD-MAR5234	Thực tập tốt nghiệp: Quản trị Marketing tích hợp (12 tuần)	5	15			55		THUD-MAR5233	7
52	KLTN_QTMAR	Tốt nghiệp	6							7
<b>Tổng cộng</b>			<b>131</b>							

(Những học phần đánh dấu \* không tính vào điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học)